

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/HC-ST

Ngày 12 - 3 - 2024

V/v yêu cầu hủy quyết định giải
quyết khiếu nại và quyết định hành
chính.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Ngọc

Ông Nguyễn Xuân Thí

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thuận – Thẩm tra viên, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diệu Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2024, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa sơ thẩm xét xử trực tuyến vụ án hành chính thụ lý số 28/2023/TLST - HC ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc “Yêu cầu hủy quyết định giải quyết khiếu nại và quyết định hành chính” giữa điểm cầu Trung Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình và điểm cầu thành phần Ủy ban nhân dân thị xã B; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXXST- HC ngày 26 tháng 02 năm 2024, giữa:

- *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1972; bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1975

Địa chỉ: Tổ dân phố M, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; ông T có mặt, bà H vắng mặt;

Đại diện theo uỷ quyền của bà H: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1972

Địa chỉ: Tổ dân phố M, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; có mặt

- *Người bị kiện:* + Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình; ông Đoàn Minh T1, vắng mặt;

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn N – Phó Chủ tịch; có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND thị xã B: Bà Trần Ngọc H1 – Phó trưởng phòng Tài Nguyên & Môi trường thị xã B, tỉnh Quảng Bình; có mặt

+ Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án:

+ Chi nhánh [Văn phòng đăng ký đất đai thị xã B](#), tỉnh Quảng Bình

Đại diện theo uỷ quyền: Bà [Nguyễn Thị V](#) – Phó Giám đốc, Chi nhánh [Văn phòng đăng ký đất đai thị xã B](#); có mặt.

+ Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình

Đại diện theo pháp luật: [Nguyễn Thành C](#) – Chủ tịch; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, [B](#), Biêndồi thoại và tại phiên tòa ông [Nguyễn Minh T](#), bà [Nguyễn Thị Thanh H](#) (viết tắt là người khởi kiện) trình bày: Do có nhu cầu sử dụng đất nên năm 2005 người khởi kiện đã liên hệ với Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) [xã Q, huyện Q \(nay là phường Q, thị xã B\)](#) để xin được giao đất, ngày 28/4/2006 người khởi kiện được [UBND huyện Q](#) cấp Giấy nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) số AC 925597 và đến ngày 24/11/2006 người khởi kiện tiếp tục được cấp thêm GCNQSDĐ số AG 521980; để được cấp hai GCNQSDĐ trên người khởi kiện đã nộp vào ngân sách Nhà nước 32.130.000 đồng (người khởi kiện nhờ ông [D](#) – cán bộ địa chính [xã Q](#) nộp vào ngân sách).

Năm 2010 người khởi kiện nhận được thông báo của cơ quan có thẩm quyền về việc có sự nhầm lẫn về việc cấp trùng thửa đất với người khác, nên các cơ quan chuyên môn của [UBND huyện Q](#) yêu cầu người khởi kiện nộp thêm 31.500.000 đồng vào ngân sách Nhà nước để được cấp đổi lại thửa đất khác; người khởi kiện đã thực hiện đúng theo hướng dẫn và được [UBND huyện Q](#) cấp lại GCNQSDĐ số BC 919234 ngày 27/8/2010, tại thửa đất 1544 tờ bản đồ số 8 [xã Q](#), diện tích 560m², GCNQSDĐ này có ghi rõ “Cấp đổi lại GCNQSDĐ số AC 925597 ngày 28/4/2006 và GCNQSDĐ số AG 521980 ngày 24/11/2006 với lý do thực hiện theo thông báo kết luận số 39/TB – KTHU ngày 29/11/2007 của [UBKT huyện ủy Q](#)”. Ngày 05/12/2012 người khởi kiện làm thủ tục cấp đổi và được [UBND huyện Q](#) cấp đổi thành GCNQSDĐ số BL 975051 ngày 05/12/2012 tại thửa đất số 1065, tờ bản đồ số 11 [xã Q](#) với diện tích 554,6m². Ngày 07/10/2022 người khởi kiện nhận được Quyết định 2038/QĐ – UBND ngày 07/10/2022 của Chủ tịch [UBND thị xã B](#) về việc giải quyết khiếu nại của ông [Phan Sơn H2](#) (viết tắt là quyết giải quyết khiếu nại), trong HYPERLINK "<https://trolyao.toaan.gov.vn/10%20/o%20Quy%E1%BA%BFT>" Quyết này có nội dung thu hồi GCNQSDĐ số BL 975051 ngày 05/12/2012 của [UBND huyện Q](#) cấp cho người khởi kiện tại thửa đất số 1065, Tờ bản đồ số 11 [xã Q](#), diện tích 554,6m²; tháng 5/2023 người khởi kiện nhận được Quyết định số 241/QĐ – STNMT ngày 04/4/2023 của [Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q](#) về việc thu hồi GCNQSDĐ số BL 975051 ngày 05/12/2012 tại thửa đất số 1065, Tờ bản đồ số 11 [xã Q](#), diện tích 554,6m² đã cấp cho người khởi kiện; ngày 11/4/2023

người khởi kiện nhận được Thông báo số 104 ngày 11/4/2023 của Chi nhánh [Văn phòng đăng ký đất đai thị xã B](#) về việc thu hồi GCNQSDĐ số BL 975051 ngày 05/12/2012 tại thửa đất số 1065, tờ bản đồ số 11 [xã Q](#) với diện tích 554,6m² đã cấp cho người khởi kiện. Việc giải quyết khiếu nại của [UBND thị xã B](#) về thu hồi đất của người khởi kiện nhưng không có phương án hỗ trợ, cấp lại đất cho người khởi kiện là không đúng quy định. Để đảm bảo quyền lợi của mình người khởi kiện yêu cầu huỷ quyết định giải quyết khiếu nại số 2038/QĐ – UBND ngày 07/10/2022 của Chủ tịch [UBND thị xã B](#), tỉnh Quảng Bình; huỷ Quyết định số 241/QĐ – STNMT ngày 04/4/2023 của [Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q](#) về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 975051 ngày 05/12/2012 của [Ủy ban nhân dân huyện Q](#) (nay là [thị xã B](#)), tại thửa đất số 1065, tờ bản đồ số 11 [xã Q \(nay là phường Q\)](#); yêu cầu [Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q](#), [UBND thị xã B](#) cấp đổi lại hai thửa đất khác cạnh thửa đất cũ theo đúng giá trị tiền và diện tích hiện tại, nếu không cấp đổi thì đền bù lại giá trị thửa đất theo giá thị trường hiện nay. Tại Công văn số 2289/UBND ngày 26/10/2023 của Chủ tịch [UBND thị xã B](#) trình bày: Chủ tịch [UBND thị xã B](#) giữ nguyên ý kiến, nội dung đã được thể hiện tại quyết định giải quyết khiếu nại số 2038/QĐ – UBND ngày 07/10/2022 của Chủ tịch [UBND thị xã B](#) về việc giải quyết khiếu nại của ông [Phan Sơn H2](#). Tại Quyết định này có liên quan việc thu hồi GCNQSDĐ số BL 975051 ngày 05/12/2012 của [UBND huyện Q](#) (nay là [thị xã B](#)) cấp cho người khởi kiện, tại thửa đất số 1065, Tờ bản đồ số 11 [xã Q \(nay là phường Q\)](#), diện tích 554,6m². Do cấp GCNQSDĐ không đúng quy định và cấp đổi lại GCNQSDĐ theo đúng nội dung Thông báo số 39 – TB – KTHU ngày 29/11/2007 của [Ủy ban kiểm Huyện ủy Q](#) (viết tắt là Thông báo số 39 – TB/KTHU ngày 29/11/2007), đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo đúng quy định. Tại Công văn số 1159/VPĐK ngày 02/11/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai thuộc [Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q](#) trình bày: Ngày 07/10/2022 Chủ tịch [UBND thị xã B](#) ban hành quyết định giải quyết khiếu nại, trong đó có nội dung thu hồi GCNQSDĐ số BL 975051 ngày 05/12/2012 của [UBND huyện Q](#) cấp cho ông [Nguyễn Minh T](#), bà [Nguyễn Thị Thanh H](#) tại thửa đất số 1065, Tờ bản đồ số 11 [xã Q](#), diện tích 554,6m² do cấp không đúng quy định; ngày 15/3/2023 [UBND thị xã B](#) ban hành Công văn số 450/UBND về việc thực hiện việc thu hồi GCNQSDĐ số BL 975051 ngày 05/12/2012 của [UBND huyện Q](#) cấp cho ông [Nguyễn Minh T](#), bà [Nguyễn Thị Thanh H](#) tại thửa đất số 1065, Tờ bản đồ số 11 [xã Q](#), diện tích 554,6m², căn cứ quyết định này [Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q](#) ban hành Quyết định 241/QĐ – STNMT ngày 04/4/2023 về việc thu hồi GCNQSDĐ số BL 975051 ngày 05/12/2012 tại thửa đất số 1065, Tờ bản đồ số 11 [xã Q](#), diện tích 554,6m² đã cấp cho ông [T](#), bà [H](#). Theo quy định tại khoản 3 Điều 105 Luật Đất đai năm 2013, khoản 1 Điều 37 Nghị định số 43/2014/NĐ – CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì việc ban hành quyết định trên của Văn

phòng đăng ký đất đai thuộc [Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q](#) là đúng quy định nên không chấp nhận việc khởi kiện của ông [T](#), bà [H](#). Tại Công văn số 435/VPĐK ngày 27/10/2023 của Chi nhánh HYPERLINK "https://trolyao.toaan.gov.vn/24%20/o%20V%C4%83n" Văn phòng đăng ký đất đai [thị xã B](#) (viết tắt là Chi nhánh đất đai) trình bày: Chi nhánh đất đai nhận được Công văn số 450/UBND ngày 15/3/2023 [UBND thị xã B](#) và Quyết định 241/QĐ – STNMT ngày 04/4/2023 của [Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q](#) về việc thu hồi GCNQSDĐ số BL 975051 ngày 05/12/2012 tại thửa đất số 1065, HYPERLINK "https://trolyao.toaan.gov.vn/25%20/o%20T%E1%BB%9D" Tờ bản đồ số 11 [xã Q](#), diện tích 554,6m² đã cấp cho ông [T](#), bà [H](#). Ngày 23/6/2023 Chi nhánh đất đai lập HYPERLINK "https://trolyao.toaan.gov.vn/26%20/o%20T%E1%BB%9D" Tờ trình 1796/TTr – CNVPĐK về việc đề nghị huỷ GCNQSDĐ số BL 975051 ngày 05/12/2012 tại thửa đất số 1065, HYPERLINK "https://trolyao.toaan.gov.vn/27%20/o%20T%E1%BB%9D" Tờ bản đồ số 11 [xã Q](#), diện tích 554,6m² đã cấp cho ông [T](#), bà [H](#). Do ông [T](#), bà [H](#) không giao nộp GCNQSDĐ nên đề nghị Toà án giải quyết theo quy định. Tại phiên toà đại diện [Ủy ban nhân dân phường Q](#) trình bày: Vụ việc do cán bộ tiền nhiệm làm, nay [UBND phường Q](#) sẽ tuân thủ kết quả giải quyết khiếu nại để thực hiện việc cấp lại GCNQSDĐ cho ông [T](#), bà [H3](#) theo đúng quy định. Tại phiên toà người khởi kiện vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, người bị kiện không chấp nhận việc khởi kiện và đề nghị Toà án xem xét theo quy định của pháp luật; các đương sự không thoả thuận được với nhau về giải quyết vụ án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà phát biểu. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, buộc người khởi kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Tháng 5 năm 2023 người khởi kiện nhận được Quyết định số 241/QĐ – STNMT ngày 04/4/2023 của [Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q](#) về việc thu hồi GCNQSDĐ số BL 975051 ngày 05/12/2012 tại thửa đất số 1065, tờ bản đồ số 11 [xã Q](#), diện tích 554,6m² đất đã cấp cho người khởi kiện; ngày 02/10/2023 Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình nhận được đơn khởi kiện của người khởi kiện đề ngày 05/9/2023. Theo quy định tại khoản 3 Điều 32 và điểm a khoản 2 Điều 116 Luật HYPERLINK "https://trolyao.toaan.gov.vn/32%20/o%20T%C3%B4%CC%81" Tố tụng hành

chính thì đơn khởi kiện của người khởi kiện đang trong hạn luật định và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

[2] Tại phiên toà vắng mặt đại diện [Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q](#), nhưng đơn vị này đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, theo quy định tại khoản 1 Điều 158 của Luật tổ tụng hành chính Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[3] Người khởi kiện yêu cầu huỷ quyếtđịnh giải quyết khiếu nại, thấy: Quá trình thu thập chứng cứ và tại đơn khởi kiện đã xác định ngày 07/10/2022 người khởi kiện nhận được HYPERLINK "https://trolyao.toaan.gov.vn/36%20/o%20quy%E1%BA%BFt" quyếtđịnh giải quyết khiếu nại, trong đó có nội dung thu hồi GCNQSDĐ số BL 975051 ngày 05/12/2012 của [UBND huyện Q](#) đã cấp cho người khởi kiện; ngày 02/10/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình nhận được đơn khởi kiện của người khởi kiện đề ngày 05/9/2023, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật HYPERLINK "https://trolyao.toaan.gov.vn/37%20/o%20T%C3%B4%CC%81" Tổ tụng hành chính thì đơn khởi kiện của người khởi kiện đang trong hạn luật định nên chấp nhận để giải quyết.

[4] Trong vụ án này người khởi kiện có yêu cầu huỷ Quyết định số 241/QĐ – STNMT ngày 04/4/2023 của [Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q](#) về việc thu hồi GCNQSDĐ số BL 975051 ngày 05/12/2012 tại thửa đất số 1065, HYPERLINK "https://trolyao.toaan.gov.vn/38%20/o%20T%E1%BB%9D" Tờ bản đồ số 11 [xã Q](#), diện tích 554,6m² đất đã cấp cho người khởi kiện, việc yêu cầu huỷ Quyếtđịnh này có liên quan đến HYPERLINK "https://trolyao.toaan.gov.vn/40%20/o%20quy%E1%BA%BFt" quyếtđịnh giải quyết khiếu nại; căn cứ Án lệ số 63/2023/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án tối cao công bố theo Quyết định số 39/QĐ ngày 24/02/2023, thì việc khởi kiện HYPERLINK "https://trolyao.toaan.gov.vn/42%20/o%20quy%E1%BA%BFt" quyếtđịnh giải quyết khiếu nại và Quyết định số 241/QĐ – STNMT ngày 04/4/2023 của [Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q](#) của người khởi kiện được chấp nhận để giải quyết.

[5] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành HYPERLINK "https://trolyao.toaan.gov.vn/44%20/o%20quy%E1%BA%BFt" quyếtđịnh giải quyết khiếu nại thấy: Chủ tịch [UBND thị xã B](#) đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền giải quyết theo quy định của Luật HYPERLINK "https://trolyao.toaan.gov.vn/45%20/o%20Khi%E1%BA%BFu" Khiếu nại ngày 11/11/2011 và các văn bản dưới luật hướng dẫn việc giải quyết khiếu nại; quá trình giải quyết khiếu nại của ông [Phan Sơn H2](#), Chủ tịch [UBND thị xã B](#) đã mời người khởi kiện làm việc, do có diện tích đất đã cấp cho người khởi kiện liên quan đến việc khiếu nại của ông [H2](#); sau khi có kết quả giải quyết đã gửi HYPERLINK "https://trolyao.toaan.gov.vn/46%20/o%20quy%E1%BA%BFt" quyếtđịnh giải quyết khiếu nại cho người khởi kiện theo đúng quy định.

[6] Ngày 28 tháng 4 năm 2006 người khởi kiện được [UBND huyện Q](#) cấp GCNQSDĐ lần đầu số AC 925597, diện tích 280m² đất tại thửa đất số 1544, HYPERLINK "<https://trolyao.toaan.gov.vn/47%20/o%20T%E1%BB%9D>" Tònbản đồ số 8 [xã Q, huyện Q](#); tại Thông báo số 39 – TB/KTHU ngày 29/11/2009 đã kết luận: Ông [Trần Đình D1](#) - HYPERLINK "<https://trolyao.toaan.gov.vn/48%20/o%20C%C3%A1n>" Cánbộ địa chính [xã Q](#) đã lập không hồ sơ việc ông [T](#) được [UBND xã Q](#) cấp đất từ năm 1995, trình đồng chí [Đ](#) - Phó Chủ tịch [UBND xã Q](#) ký ngày 01/9/2005 để hợp thức hoá hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho ông [T](#) tại thửa đất số 1544, HYPERLINK "<https://trolyao.toaan.gov.vn/49%20/o%20T%E1%BB%9D>" Tònbản đồ số 8 [xã Q](#), diện tích 280m² đất; ngày 29/12/2005 ông [D1](#) nộp thay cho ông [T](#) 32.130.000 đồng vào HYPERLINK "<https://trolyao.toaan.gov.vn/50%20/o%20Kho>" Khobạc HYPERLINK "<https://trolyao.toaan.gov.vn/51%20/o%20Nh%C3%A0>" Nhànước, căn cứ hồ sơ này [UBND huyện Q](#) đã cấp GCNQSDĐ lần đầu số AC 925597 ngày 28/4/2006, diện tích 280m² đất tại thửa đất số 1544, HYPERLINK "<https://trolyao.toaan.gov.vn/52%20/o%20T%E1%BB%9D>" Tònbản đồ số 8 [xã Q, huyện Q](#) cho ông [T](#); qua kiểm tra thửa đất cấp cho ông [T](#) trước năm 2006 chưa cấp cho ai (kể cả ông [T](#)) nên đã làm thất thu ngân sách 31.500.000 đồng, do đó tại HYPERLINK "<https://trolyao.toaan.gov.vn/53%20/o%20K%E1%BA%Bft>" Kếtluận của HYPERLINK "<https://trolyao.toaan.gov.vn/54%20/o%20Th%C3%B4ng>" Thôngbáo này đã buộc truy thu số tiền 31.500.000 đồng của ông [T](#) để nộp vào ngân sách (bút lục số 07, 13 và 92).

[7] Ngày 24/11/2006, người khởi kiện được [UBND huyện Q](#) cấp tiếp GCNQSDĐ số AG 521980, với diện tích 280m² tại thửa đất số 1545, HYPERLINK "<https://trolyao.toaan.gov.vn/55%20/o%20T%E1%BB%9D>" Tònbản đồ số 8 [xã Q, huyện Q](#); tuy nhiên tại Thông báo số 39 – TB/KTHU ngày 29/11/2009 đã kết luận: Quá trình nộp hồ sơ gốc cấp GCNQSDĐ lên Phòng Tài nguyên – Môi trường [huyện Q](#) để thẩm định ông [Trần Đình D1](#) - HYPERLINK "<https://trolyao.toaan.gov.vn/56%20/o%20C%C3%A1n>" Cánbộ địa chính [xã Q](#) không nộp 02 bộ hồ sơ (của ông [T](#) và bà [V1](#)) nên tháng 10/2006 ông [D1](#) lại đề nghị lên [UBND huyện Q](#) cấp tiếp GCNQSDĐ số AG 521980, diện tích 280m² đất tại thửa đất số 1545, HYPERLINK "<https://trolyao.toaan.gov.vn/57%20/o%20T%E1%BB%9D>" Tònbản đồ số 8 [xã Q, huyện Q](#) cho ông [T](#); sau khi phát hiện việc cấp trùng GCNQSDĐ lần 2 cho ông [T](#), [UBND huyện Q](#) đã ban hành Quyết định số 630/QĐ – UBND ngày 05/3/2007 về việc thu hồi GCNQSDĐ số AG 521980, diện tích 280m² đất tại thửa đất số 1545, HYPERLINK "<https://trolyao.toaan.gov.vn/58%20/o%20T%E1%BB%9D>" Tònbản đồ số 8 [xã Q, huyện Q](#) đã cấp cho ông [T](#) (bút lục số 13, 74 và 75).

[8] Ngày 27/8/2010 người khởi kiện được [UBND huyện Q](#) cấp GCNQSDĐ số BC 919234, với diện tích 560m² tại thửa đất số 1544, tờ bản đồ số 8 [xã Q, huyện Q](#); ngày 05/12/2012 người khởi kiện được [UBND huyện Q](#) cấp đổi thành GCNQSDĐ số BL 975051, diện tích 554,6m² đất tại thửa đất số 1065, tờ bản đồ số 11 [xã Q, huyện Q](#). Theo hồ sơ cấp GCNQSDĐ và trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa và kết quả giải quyết khiếu nại thì ngày 08/6/2010 người khởi kiện nộp vào ngân sách 31.500.000 đồng để thực hiện việc truy thu số tiền làm trái của ông [D1](#) năm 2005 theo Thông báo số 39 – TB/KTHU ngày 29/11/2007, nhưng sau khi ông [T](#) nộp tiền vào ngân sách, các cơ quan chuyên môn đã tham mưu sai với thông báo kết luận này, cụ thể: [UBND xã Q](#) đã tham mưu cho [UBND huyện Q](#) cấp GCNQSDĐ số BC 919234, diện tích 560m² đất tại thửa đất số 1544, tờ bản đồ số 8 [xã Q, huyện Q](#) (tăng gấp đôi diện tích được cấp lần đầu) và diện tích cấp tăng lên cho người khởi kiện đã chồng lấn lên toàn bộ thửa đất của bà [Nguyễn Thị T2](#) đã được [UBND huyện Q](#) cấp GCNQSDĐ số W 403990 ngày 05/12/2002; thửa đất này bà [T2](#) đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông [Phan Sơn H2](#) ngày 14/4/2008 và ông [H2](#) đã được [UBND huyện Q](#) cấp GCNQSDĐ số AI 923174 ngày 15/8/2008 (bút lục số 93, 113, 114 và 119).

[9] Việc cấp sai diện tích đất và GCNQSDĐ cho người khởi kiện là lỗi của cán bộ và các phòng, ban tham mưu thuộc [UBND xã Q](#) và [UBND huyện Q](#); căn cứ phân tích tại mục [6], [7] và [8] thì quyết giải quyết khiếu nại về việc thu hồi GCNQSDĐ số BL 975051 ngày 05/12/2012 của [UBND huyện Q](#) cấp đổi cho người khởi kiện, diện tích 554,6m² đất tại thửa đất số 1065, Tờ bản đồ số 11 [xã Q, huyện Q \(nay là phường Q, thị xã B\)](#) là đúng quy định.

[10] Tại quyết giải quyết khiếu nại không nêu rõ việc cấp lại GCNQSDĐ cho người khởi kiện đúng diện tích đất người khởi kiện đã nộp tiền vào ngân sách và chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc thẩm quyền sớm triển khai thực hiện theo kết quả giải quyết khiếu nại là thiếu sót, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của người khởi kiện. Tuy nhiên, tại Quyết định số 3619/QĐ – UBND ngày 29/12/2023 của Chủ tịch [UBND thị xã B](#) đã điều chỉnh một số nội dung Quyết định 2038/QĐ – UBND ngày 07/10/2022 của [UBND thị xã B](#) về việc giải quyết khiếu nại của ông [Phan Sơn H2](#), trong Quyết này đã khắc phục các thiếu sót trên; do đó, việc người khởi kiện yêu cầu hủy quyết giải quyết khiếu nại này là không có căn cứ.

[11] Người khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 241/QĐ – STNMT ngày 04/4/2023 của [Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q](#) về việc thu hồi GCNQSDĐ số BL 975051 ngày 05/12/2012 của [UBND huyện Q](#) cấp cho người khởi kiện tại thửa đất số 1065, Tờ bản đồ số 11 [xã Q \(nay là phường Q\)](#), diện tích 554,6m² đất, thấy: [Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q](#) ban hành Quyết định 241/QĐ – STNMT ngày 04/4/2023 về việc thu hồi GCNQSDĐ số BL 975051 ngày 05/12/2012 của [UBND huyện Q](#) (nay là [thị xã B](#)) đã cấp cho người khởi kiện tại

thửa đất số 1065, Tờ đồ số 11 [xã Q \(nay là phường Q\)](#) là căn cứ vào quyết định giải quyết khiếu nại và công văn số 450/UBND ngày 15/3/2023 của [UBND thị xã B](#) về việc thực hiện việc thu hồi GCNQSDĐ số BL 975051 ngày 05/12/2012 của [UBND huyện Q](#) cấp cho người khởi kiện.

[12] Như phân tích tại mục [8] và [9] thì quyết định giải quyết khiếu nại của ông [Phan Sơn H2](#) có nội dung thu hồi GCNQSDĐ số BL 975051 ngày 05/12/2012 của [UBND huyện Q](#) (nay là [thị xã B](#)) cấp cho người khởi kiện tại thửa đất số 1065, tờ bản đồ số 11 [xã Q \(nay là phường Q\)](#) đúng quy định, do đó việc [Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q](#) ban hành Quyết định 241/QĐ – STNMT ngày 04/4/2023 về việc thu hồi GCNQSDĐ số BL 975051 ngày 05/12/2012 của [UBND huyện Q](#) (nay là [thị xã B](#)) đã cấp cho người khởi kiện tại thửa đất số 1065, Tờ đồ số 11 [xã Q](#) là đúng thẩm quyền, do đó việc người khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định này là không có căn cứ để chấp nhận.

[13] Việc người khởi kiện yêu cầu [Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q](#), [UBND thị xã B](#) cấp đổi lại hai thửa đất khác cạnh thửa đất cũ đúng giá trị tiền và diện tích đất hiện tại, nếu không cấp đổi thì đền bù lại giá trị thửa đất theo giá thị trường hiện tại thấy: Như phân tích tại các mục trên thì người khởi kiện đã nộp vào ngân sách hai lần tiền (năm 2005 ông [D1](#) nộp thay người khởi kiện 32.130.000 đồng và năm 2010 người khởi kiện nộp thêm 31.500.000 đồng) để được giao 280m² đất tại thửa đất số 1544, tờ bản đồ số 8 [xã Q, huyện Q](#) (nay là ½ thửa thửa đất số 1065, tờ bản đồ số 11 [phường Q](#)), nhưng quá trình thực hiện [UBND xã Q](#) và các phòng, ban thuộc [UBND huyện Q](#) đã tham mưu sai Thông báo số 39 – TB/KTHU ngày 29/11/2009, nên [UBND huyện Q](#) đã cấp GCNQSDĐ sai diện tích đất (cấp gấp đôi diện tích đất người khởi kiện được giao) cho người khởi kiện; Quyết định giải quyết khiếu nại đã giải quyết đúng quy định, do đó các yêu cầu này của người khởi kiện không được chấp nhận.

[14] Tại phiên toà các bên đương sự đều thừa nhận toàn bộ diện tích đất cấp sai trong GCNQSDĐ số BL 975051 ngày 05/12/2012 của [UBND huyện Q](#) (nay là [thị xã B](#)) cấp cho người khởi kiện, hiện đang là đất sạch (người khởi kiện chưa sử dụng đất) nên các thiệt hại thực tế tại thửa đất này chưa xảy ra nên
HYPERLINK "https://trolyao.toaan.gov.vn/70%20/o%20H%E1%BB%99i"
Hội đồng xét xử không xem xét. Mặt khác quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên toà người khởi kiện không yêu cầu bồi thường thiệt hại do việc cấp sai diện tích đất trong GCNQSDĐ đã cấp cho người khởi kiện nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu người khởi kiện thấy việc [UBND huyện Q](#) (nay là [thị xã B](#)) cấp sai diện tích đất và GCNQSDĐ cho mình đã gây thiệt hại và có đủ điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật thì người khởi kiện có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[15] Các đương sự thừa nhận hiện nay [UBND thị xã B](#) chưa thực hiện việc cấp lại GCNQSDĐ cho người khởi kiện nên đã làm ảnh hưởng đến quyền

lợi của người khởi kiện; do đó cần kiến nghị [UBND thị xã B](#) sớm cấp lại GCNQSDĐ cho người khởi kiện theo đúng quy định.

[16] Người khởi kiện, khởi kiện không được chấp nhận nên phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 và khoản 1 Điều 348 của Luật Tổ hành chính; khoản 3 Điều 98, điểm b khoản 1 Điều 99 và Điều 106 Luật Đất đai năm 2013; các Điều 18, 21, 27, 29, 30, 31, 36, 38, 39 và 40 Luật [HYPERLINK "https://trolyao.toaan.gov.vn/73%20/o%20Khi%E1%BA%BFu"](https://trolyao.toaan.gov.vn/73%20/o%20Khi%E1%BA%BFu) Khiếu Điều 22 và Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông [Nguyễn Minh T](#), bà [Nguyễn Thị Thanh H](#) về việc yêu cầu huỷ Quyết định giải quyết khiếu nại số 2038/QĐ – UBND ngày 07/10/2022 của [Ủy ban nhân dân thị xã B](#), tỉnh Quảng Bình; huỷ Quyết định số 241/QĐ – STNMT ngày 04/4/2023 của [Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q](#) về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 975051 ngày 05/12/2012 của [Ủy ban nhân dân huyện Q](#) (nay là [thị xã B](#)), tại thửa đất số 1065, tờ bản đồ số 11 [xã Q, huyện Q](#) (nay là [phường Q, thị xã B](#)), tỉnh Quảng Bình; yêu cầu [Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q](#), [Ủy ban nhân dân thị xã B](#) cấp đổi lại hai thửa đất khác cạnh thửa đất cũ theo đúng giá trị tiền và diện tích hiện tại, nếu không cấp đổi thì đền bù lại giá trị thửa đất theo giá thị trường hiện nay.

2. Kiến nghị [Ủy ban nhân dân thị xã B](#) sớm thực hiện việc cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông [Nguyễn Minh T](#), bà [Nguyễn Thị Thanh H](#) theo đúng quy định.

3. Ông [Nguyễn Minh T](#), bà [Nguyễn Thị Thanh H](#) phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm, được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0005592 ngày 13/10/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình. Ông [T](#), bà [H](#) đã nộp đủ án phí. 4. Án xử công khai sơ thẩm báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 12/3/2024. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghĩa

